

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Đợt 2 Tháng 11

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 24 – 25/11/2023

Ngày cung cấp TT: 26/11/2023

3. **Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống đóng.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống mở.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống đóng.
4	4	Cống sông Chanh	Cống đóng.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống mở.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cổ Đam	Cống đóng.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Cống đóng.
10	13	Đầu kênh CG16	Cống mở.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Cống mở.
12	19	Đầu kênh C19	Cống đóng.

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 20 vị trí

5. **Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):

*B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Cống Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Sông Chanh, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đàm, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đầu kênh S48, Đập Vùa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đầu kênh T6.***

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh CG 16, Cầu Chủ (sông Châu Giang).***

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên.***

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>				6.5 – 8.5		≥ 6					
<i>QCVN 08:2023 - B</i>				6 – 8.5		≥ 5					
<i>QCVN 08:2023 - C</i>				6 – 8.5		≥ 4					
<i>QCVN 08:2023 - D</i>				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Công Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Mây rải rác, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 57%, mật độ mây 36%, gió Bắc 6 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng. Nước màu vàng lục.	7.19	25.0	5.52	0.1	0.252	0.012	211	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
2	Công Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Mây rải rác, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 57%, mật độ mây 36%, gió Bắc 6 km/h. Dòng chảy chậm tiêu nước ra sông. Cống mở, trạm bơm không hoạt động. Thượng lưu cống có bèo trôi. Nước màu vàng lục.	7.45	37.1	6.70	0.2	0.330	0.022	269	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
3	Công Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh	Mây rải rác, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 37%, gió Bắc 8 km/h.	7.37	40.9	7.26	0.2	0.276	0.021	254	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.								mức B.
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Ít mây, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 61%, gió Bắc 11 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Nước màu vàng lục.	8.56	36.0	6.33	0.9	0.343	0.896	1120	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 51%, mật độ mây 70%, gió ĐB 10 km/h. Cống mở, đang lấy nước vào nội đồng. Nước màu xanh lục.	7.77	22.2	6.64	0.3	0.348	0.213	387	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		thống cuối kênh Như Trác.									
6	Công Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 51%, mật độ mây 70%, gió ĐB 10 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Hạ lưu cống có bèo. Nước màu vàng lục.	7.32	22.4	6.10	0.3	0.288	0.198	398	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
7	Công Cỏ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 51%, mật độ mây 70%, gió ĐB 10 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	8.04	29.3	6.34	0.3	0.324	0.023	467	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
8	Công Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh	Ít mây, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 54%, mật độ mây 73%, gió ĐB 12 km/h.	7.37	24.7	6.10	0.3	0.276	0.048	427	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tươi, tiêu kết hợp, tươi cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.								mức B.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Mây rải rác, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 37%, gió Bắc 8 km/h. Dòng chảy chậm hướng về sông Chanh. Nước màu vàng lục.	7.71	24.5	6.10	0.4	0.330	0.208	574	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
10	Đầu kênh C9	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản	Mây rải rác, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 37%, gió Bắc 8 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Nước màu vàng lục.	8.09	19.6	6.36	3.5	0.288	3.594	4220	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		xuất: dẹt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.									
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Hừng nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 54%, mật độ mây 73%, gió ĐB 12 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Vĩnh Trị. Nước màu vàng lục.	7.36	24.6	6.23	0.3	0.222	0.052	426	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Mây rải rác, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 40%, gió Bắc 4 km/h. Cống đóng. Mực nước sông Châu Giang cao hơn. Thượng lưu cống nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	7.27	26.8	5.58	0.2	0.228	0.031	303	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
13	Đàu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ	Mây rải rác, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 57%, mật độ mây 36%, gió Bắc 6 km/h. Cống mở. Đang tiêu nước ra sông Châu	7.07	76.6	4.63	0.7	0.862	1.468	875	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		KCN Hòa Hậu.	Giang. Nước màu ghi xám. Có mùi hôi.								
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Mây rải rác, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 57%, mật độ mây 36%, gió Bắc 6 km/h. Dòng chảy chậm từ cống 3/2 về. Nước màu vàng đục.	7.12	42.8	5.32	0.2	0.270	0.020	264	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Hừng nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 54%, mật độ mây 73%, gió ĐB 12 km/h. Không có dòng chảy. Hạ lưu đang chặn dòng để nạo vét. Nước màu vàng lục.	8.35	205.0	5.02	1.0	0.873	0.765	1220	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Mây rải rác, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 57%, mật độ mây 36%, gió Bắc 6 km/h. Dòng chảy chậm. Đang tiêu nước ra sông. Nước màu vàng lục.	7.07	77.1	5.83	0.1	0.179	0.065	208	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
17	Cầu Chủ (sông)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện	Mây rải rác, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 40%, gió Bắc 4	6.91	34.6	4.57	0.2	0.264	0.015	286	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Châu Giang)	Bình Lục, Lý Nhân.	km/h. Dòng chảy chậm về Hữu Bị. Trên mặt nước có bọt trắng. Nước màu vàng lục.								không đạt mức B.
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Có mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 64%, gió ĐB 9 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đam. Nước màu vàng lục.	7.52	32.8	5.03	0.4	0.324	0.253	521	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Mây rải rác, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 37%, gió Bắc 8 km/h. Cống đóng, không có dòng chảy. Nước màu vàng lục.	7.90	52.8	6.24	1.6	0.354	2.126	2010	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.
20	Đầu kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản	Hùng nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 54%, mật độ mây 73%, gió ĐB 12 km/h. Không có dòng chảy.	8.34	68.4	5.24	0.5	0.538	0.587	823	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			Đang chặn dòng nạo vét. Nước màu vàng đục.								

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI